

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **5782**/UBND-NNTN

Quảng Ngãi, ngày **22** tháng 10 năm 2019

V/v đề nghị thỏa thuận
đối với Báo cáo nghiên cứu
khả thi và Báo cáo kiểm tra
an toàn đập Tiểu dự án
Sửa chữa và nâng cao
an toàn đập tỉnh Quảng Ngãi
(giai đoạn II) thuộc dự án
Sửa chữa và nâng cao
an toàn đập (WB8)

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 2820/SNNPTNT ngày 17/10/2019, UBND tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, có ý kiến thỏa thuận đối với Báo cáo nghiên cứu khả thi và Báo cáo kiểm tra an toàn đập Tiểu dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Quảng Ngãi (giai đoạn II) thuộc Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8), với các nội dung chính như sau:

I. Cơ sở pháp lý

Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Hiệp định tài trợ số CR.5749-VN ngày 08/4/2016 cho dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tại Việt Nam đã ký kết giữa Chính phủ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hiệp hội phát triển Quốc tế;

Quyết định số 4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án “Sửa chữa và nâng cao an toàn đập” (WB8) do Ngân hàng Thế giới tài trợ;

Quyết định số 5492/QĐ-BNN-HTQT ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Khung an toàn đập, dự án “Sửa chữa và nâng cao an toàn đập” (WB8) do Ngân hàng Thế giới tài trợ;

Quyết định số 5095/QĐ-BNN-HTQT ngày 06/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt điều chỉnh Sổ tay Hướng dẫn thực hiện dự án "Sửa chữa và nâng cao an toàn đập" (WB8) do Ngân hàng Thế giới tài trợ đính kèm Quyết định số 2793/QĐ-BNN-HTQT ngày 06/7/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Công văn số 4220/BNN-TCTL ngày 23/5/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thống nhất danh mục các hồ chứa thuộc Tiểu dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Quảng Ngãi (giai đoạn II);

Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 25/01/2019 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2019 - Nguồn vốn ngân sách Trung ương;

Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 16/4/2019 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn năm 2019 thực hiện dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8);

II. Thông tin chung về dự án

1. Tên Tiểu dự án: Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Quảng Ngãi (giai đoạn II) thuộc Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8).

2. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Mục tiêu đầu tư xây dựng

- Đảm bảo an toàn hồ chứa, giảm thiểu nguy cơ vỡ đập, bảo vệ người và tài sản ở hạ lưu công trình.

- Đảm bảo cấp nước tưới cho 660,6 ha đất sản xuất nông nghiệp.

4. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng Tiểu dự án

a) 07 hồ chứa nước: Ông Thọ, Hóc Cây (huyện Đức Phổ); Sơn Rái (huyện Sơn Tịnh); Hóc Mua, Gia Hội, Phố Tinh, Hố Vàng (huyện Bình Sơn):

Sửa, chữa, nâng cấp các hạng mục: Đập đất, tràn xả lũ, đường thi công kết hợp quản lý; xây dựng mới công lấy nước và nhà quản lý (riêng công lấy nước hồ chứa nước Ông Thọ và nhà quản lý hồ chứa nước Sơn Rái không xây dựng).

b) Hồ chứa nước Tuyên Tung (huyện Bình Sơn): Sửa chữa, nâng cấp đập bê tông và nhà quản lý.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi và Báo cáo kiểm tra an toàn đập: Liên danh Công ty TNHH tư vấn xây dựng Trung Long; Công ty Cổ phần tư vấn phát triển đầu tư và xây dựng Quảng Ngãi và Công ty TNHH tư vấn Trường Đại học Thủy lợi.

6. Nhà thầu thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi: Viện Thủy công (thuộc Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam).

7. Địa điểm xây dựng: Các huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh và Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

8. Diện tích sử dụng đất: 170,59 ha, trong đó:

- Chiếm đất vĩnh viễn: 156,41 ha;
- Chiếm đất tạm thời: 14,18 ha.

9. Loại và cấp công trình

a) Loại công trình: Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

b) Cấp công trình:

- 06 hồ chứa nước gồm Ông Thơ, Sơn Rái, Hóc Mua, Gia Hội, Phố Tinh, Tuyên Tung: Cấp III.

- 02 hồ chứa nước gồm Hóc Cây và Hồ Vàng: Cấp IV.

10. Số bước thiết kế: 02 bước.

11. Phương án xây dựng

a) Thông số kỹ thuật chủ yếu: Tại phụ lục 1 kèm theo.

b) Giải pháp thiết kế: Tại phụ lục 2 kèm theo.

12. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 143.976.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi ba tỷ, chín trăm bảy mươi sáu triệu đồng*)

Khoản mục	Giá trị (đồng)			Quy đổi USD
	Vốn WB	Vốn đối ứng	Tổng	
Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng	0	12.317.416.030	12.317.416.030	529.440
Chi phí xây lắp	103.098.903.544	0	103.098.903.544	4.431.502
Chi quản lý dự án	0	3.132.000.000	3.132.000.000	134.623
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	12.404.141.906	1.356.242.432	13.760.384.339	591.463
Chi khác	4.837.374.359	2.071.254.599	6.908.628.958	296.954
Dự phòng chi	4.562.105.315	196.784.911	4.758.890.226	204.551
Tổng mức đầu tư	124.902.525.124	19.073.697.972	143.976.223.297	6.188.533

Tỷ giá 1USD = 23.265 VNĐ

13. Nguồn vốn đầu tư: Vốn vay Ngân hàng Thế giới và vốn đối ứng.

14. Thời gian thực hiện: Năm 2018 - 2022.

15. Báo cáo kiểm tra an toàn đập: Gồm 8 chương và phụ lục tính toán kiểm tra an toàn đập, cụ thể:

- Chương 1. Tổng quan.
- Chương 2. Sàng lọc và phân loại đập.
- Chương 3. Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội.
- Chương 4. Đánh giá hiện trạng công trình đầu mối.
- Chương 5. Đánh giá giá công tác quản lý và vận hành.
- Chương 6. Đánh giá an toàn đập.
- Chương 7. Hướng dẫn về an toàn đập.

- Chương 8. Kết luận và kiến nghị.
- Phụ lục tính toán kiểm tra an toàn đập.

III. Danh mục hồ sơ gửi kèm theo

1. Báo cáo nghiên cứu khả thi, gồm:

- Tập Báo cáo nghiên cứu khả thi;
- Tập Tổng mức đầu tư xây dựng công trình;
- Tập Báo cáo tóm tắt (mỗi hồ có một tập riêng);
- Tập Thuyết minh thiết kế cơ sở (mỗi hồ có một tập riêng);
- Tập Bản vẽ thiết kế cơ sở (mỗi hồ có một tập riêng);
- Tập Báo cáo tính toán (mỗi hồ có một tập riêng);
- Tập tiên lượng (mỗi hồ có một tập riêng);
- Tập Dự toán chi phí xây dựng (mỗi hồ có một tập riêng);
- Tập thuyết minh Báo cáo khảo sát địa hình (mỗi hồ có một tập riêng);
- Tập bản vẽ Báo cáo khảo sát địa hình (mỗi hồ có một tập riêng);
- Tập thuyết minh Báo cáo khảo sát địa chất (mỗi hồ có một tập riêng);
- Tập bản vẽ Báo cáo khảo sát địa chất (mỗi hồ có một tập riêng);
- Tập Kết quả thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi.

2. Báo cáo kiểm tra an toàn đập, gồm:

- Tập Báo cáo kiểm tra an toàn đập;
- Tập Phụ lục tính toán kiểm tra an toàn đập.

Kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quan tâm giải quyết để tỉnh có cơ sở triển khai thực hiện các bước tiếp theo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng cục Thủy lợi;
- BQL Trung ương các dự án Thủy lợi (CPO);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- UBND các huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh và Đức Phổ;
- BQLDA Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP(NN), TH, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN(tnh615).

CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Căng

Phụ lục 01:
THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHỦ YẾU

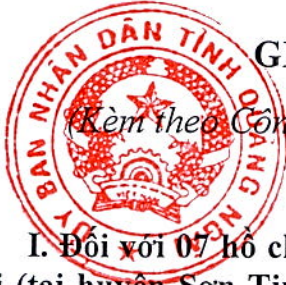
(Kèm theo Công văn số **5782** /UBND-NNTN ngày **22/10/2019** của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



TT	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	Đơn vị	GIÁ TRỊ							
			Ông Thơ	Hóc Cây	Sơn Rái	Tuyền Tung	Hóc Mua	Gia Hội	Phổ Tinh	Hố Vàng
A	HỒ CHỨA									
1	Nhiệm vụ	ha	72,1	45,0	110,0	234,5	40,0	93,0	26,0	40,0
-	Lúa 2 vụ		4,20	3,0	75,0	120,0	30,0	80,0	8,0	40,0
-	Hoa màu		67,90	42,0	35,0	114,5	10,0	13,0	18,0	0
2	Diện tích lưu vực	km ²	2,35	2,00	2,5	20,0	1,54	2,11	0,35	0,90
3	Mức nước chết	m	12,20	14,60	64,00	163,60	8,00	19,20	22,65	13,00
4	Mức nước dâng bình thường	m	16,95	16,70	69,90	165,50	14,50	23,55	27,90	15,50
5	Mức nước lớn nhất TK P=1,5% /2%	m	18,51	17,78	71,60	167,95	15,99	24,67	28,82	16,39
6	Mức nước lũ kiểm tra P=0,5% /1%	m	18,63	17,86	71,88	168,34	16,25	24,85	28,97	16,49
7	Mức nước lũ KT WB P=0,1%	m			72,26	168,86	16,61		29,18	16,84
	Mức nước lũ KT WB P=0,01%	m	19,00	18,39				25,46		
8	Dung tích chết	10 ³ m ³	41,82	105,72	86,87	207,35	46,21	73,89	7,64	53,604
9	Dung tích bình thường	10 ³ m ³	308,74	213,99	615,81	422,88	377,09	805,90	161,42	316,29
10	Dung tích hữu ích	10 ³ m ³	265,71	172,93	528,94	214,84	330,88	732,01	153,78	262,69
11	Dung tích lũ lớn nhất thiết kế	10 ³ m ³	779,94			957,33		1.739,0	199,70	
B	ĐẬP ĐẤT							Chính/phụ		
1	Cao trình đỉnh tường chắn sóng	m					17,30			

TT	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	Đơn vị	GIÁ TRỊ							
			Ông Thọ	Hóc Cây	Sơn Rái	Tuyền Tung	Hóc Mua	Gia Hội	Phổ Tinh	Hố Vàng
2	Cao trình đỉnh đập phần đất	m	20,00	19,70	73,00	168,90	17,00	26,20	29,60	17,30
3	Tổng chiều dài đập theo đỉnh		176,60	551,50	230,0	74,50	174,50	422,50	269,51	366,20
-	Chiều dài đập chính	m	176,60	331,50	230,0	74,50	174,50	320,0	269,51	366,20
-	Chiều dài đập phụ		0,0	220,00	0,0	0,0	0,0	102,5	0,0	0,0
4	Bề rộng mặt đập	m	5,0	5,0	5,0	2,5	5,0	5,0	5,0	5,0
5	Kết cấu thân đập		Đập đất	Đập đất	Đập đất	Bê tông và BTCT	Đập đất	Đập đất	Đập đất	Đập đất
6	Chiều cao đập đất lớn nhất	m	9,80	7,20	13,0	12,90	11,50	9,3/5,4	9,00	6,50
7	Hệ số mái thượng lưu		2,75	2,75	3,00		3,00	3,0/3,0	2,75	2,5
8	Hệ số mái hạ lưu		2,5	2,5	2,75		2,75	2,5/3,0	2,50	2,25
9	Gia cố mái đập thượng lưu		BTCT M250 dày 12cm	BTCT M250 dày 12cm	BTCT M250 dày 12cm		BTCT M250 dày 12cm	BTCT M250 dày 12cm	BTCT M250 dày 12cm	BTCT M250 dày 12cm
10	Gia cố mái hạ lưu		Trồng cỏ + rãnh BT	Trồng cỏ + rãnh BT	Trồng cỏ + rãnh BT		Trồng cỏ + rãnh BT	Trồng cỏ + rãnh BT	Trồng cỏ + rãnh BT	Trồng cỏ + rãnh BT
11	Tiêu nước hạ lưu		Đóng đá tiêu nước	Đóng đá tiêu nước	Đóng đá tiêu nước		Đóng đá tiêu nước	Đóng đá tiêu nước	Đóng đá tiêu nước	Đóng đá tiêu nước
C	TRÀN XẢ LŨ									
1	Hình thức tràn		Tràn tự do	Tràn tự do	Tràn tự do	Tràn tự do	Tràn tự do	Tràn tự do	Tràn tự do	Tràn tự do
2	Kiểu ngưỡng		Đỉnh rộng	Đỉnh rộng	Đỉnh rộng	Đỉnh rộng	Đỉnh rộng	Đỉnh rộng	Đỉnh rộng	Đỉnh rộng
3	Cao trình ngưỡng tràn	m	16,95/17,95	16,70	69,90	165,50	14,50	24,15	27,90	15,50
4	Chiều rộng ngưỡng tràn	m	14,20	15,0	20,00	60	15,00	16,00	8,0	11,80
5	Cột nước thiết kế trên tràn	m	1,56	1,08	1,70	2,45	1,49	1,04	0,92	0,89

TT	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	Đơn vị	GIÁ TRỊ							
			Ông Thọ	Hóc Cây	Sơn Rái	Tuyền Tung	Hóc Mua	Gia Hội	Phố Tinh	Hố Vàng
6	Lưu lượng thiết kế tràn	m ³ /s	30,96	26,55	70,00	609,60	48,11	27,48	14,36	15,45
7	Hình thức tiêu năng		Tiêu năng đáy	Tiêu năng đáy	Tiêu năng đáy	Tiêu năng mặt	Tiêu năng đáy	Tiêu năng đáy	Tiêu năng đáy	Tiêu năng đáy
8	Chiều dài tràn kiên cố	m	-		82,00		121,0	82,60	66,83	
D	CÔNG LẤY NƯỚC									
1	Lưu lượng thiết kế công	m ³ /s	0,0523	0,025	0,133	0,15/ 0,279	0,07	0,138	0,026	0,126
2	Hình thức công		Công tròn	Công tròn	Công tròn	Công tròn	Công tròn	Công tròn	Công tròn	Công tròn
3	Chế độ thủy lực công		Có áp	Có áp	Có áp	Có áp	Có áp	Có áp	Có áp	Có áp
4	Chiều dài công	m	70,0	36,0	64,00	32/152	63,00	54,00	44,0	28,0
5	Đường kính công	mm	400	300	400	500	350	400	300	300
6	Hình thức đóng mở công	-	Van hạ lưu	Van hạ lưu	Van hạ lưu	Van hạ lưu	Van hạ lưu	Van hạ lưu	Van hạ lưu	Van hạ lưu
Đ	ĐƯỜNG THI CÔNG KẾT HỢP QUẢN LÝ									
1	Chiều dài	m	2.600	1.470,0	1.705,8	1.698,88	453,00	930,0	500,0	800,0
2	Bề rộng nền/ mặt đường	m	4,0	5,0/ 3,5	5,0/ 3,5	5,0/3,5	5,0/3,5	5,0/3,5	5,0/3,5	5,0/3,5
3	Kết cấu	-	Cấp phối đá dăm	BT M250	BT M250 và cấp phối đá dăm	Cấp phối đá dăm	BT M250	BT M250 và cấp phối đá dăm	BT M250 và cấp phối đá dăm	BT M250 và cấp phối đá dăm
E	NHÀ QUẢN LÝ									
1	Diện tích sử dụng	m ²	42	42		51	42	42	42	42
2	Cấp		4	4		4	4	4	4	4



Phụ lục 02:
GIẢI PHÁP THIẾT KẾ CHỦ YẾU

(Kèm theo Công văn số 5782 /UBND-NNTN ngày 22/10/2019
của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

I. Đối với 07 hồ chứa nước: Ông Thơ, Hóc Cây (tại huyện Đức Phổ); Sơn Rái (tại huyện Sơn Tịnh); Hóc Mua, Gia Hội, Phố Tinh, Hồ Vàng (tại huyện Bình Sơn)

1. Đập đất

a) Thân đập:

- Sửa chữa, nâng cấp đập đất đảm bảo đúng mặt cắt ngang thiết kế. Đào chân khay thượng lưu đến lớp đất có hệ số thấm bé và đắp chân khay, đắp áp trúc mái thượng bằng đất đắp có hệ số thấm bé để chống thấm qua nền và thân đập, hệ số đầm chặt $K \geq 0,95$.

- Xử lý môi: Dùng máy tạo áp lực phun thuốc diệt môi vào lỗ khoan, sau đó phụt sét lấp bịt lỗ rỗng.

b) Gia cố mái thượng lưu:

- Hình thức gia cố: BTCT đổ tại chỗ

- Kết cấu: Gia cố bằng BTCT M250 đổ tại chỗ dày 12cm, chia thành tấm có kích thước (200x200)cm, dưới tấm BTCT là tầng lọc gồm lớp đá dăm (1x2)cm và lớp dưới cùng là vải địa kỹ thuật. Trên mái có bố trí ống nhựa PVC để thoát nước.

c) Gia cố mái hạ lưu:

- Gia cố mái hạ lưu bằng trồng cỏ, thoát nước mái hạ lưu bằng các rãnh bê tông M200.

- Chân mái hạ lưu bố trí rãnh thoát nước mặt cắt hình thang để thu nước từ mái đập và sườn đồi, kết cấu bằng đá xây vữa M100.

d) Vật thoát nước hạ lưu:

- Vật thoát nước kiểu lắng trụ.

- Bố trí thiết bị đo lưu lượng thấm ở hạ lưu đồng đá tiêu nước.

2. Tràn xả lũ

- Hình thức tràn: Tràn tự do, ngưỡng đỉnh rộng, nối tiếp là dốc nước. Hình thức tiêu năng đáy hoặc tiêu năng mặt.

- Cao trình ngưỡng tràn: Bằng cao trình mực nước dâng bình thường.

- Kết cấu tràn: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép M300 và M250.

3. Công lấy nước

- Đào bỏ công cũ, làm công mới. Riêng công lấy nước của hồ chứa nước Ông Thơ và hồ chứa nước Tuyên Tung sử dụng lại công cũ.

- Hình thức công tròn, chảy có áp. Đoạn công nằm trong thân đập có kết cấu bằng ống thép và bọc ngoài bằng BTCT M300.

- Vận hành công lấy nước bằng van đóng mở ở hạ lưu.

- Nhà che van hạ lưu được xây dựng kiên cố, tường xây gạch, mái đổ bê tông dán tôn giả ngói. Tiêu năng bằng giềng tiêu năng.

4. Đường thi công kết hợp quản lý

- Thiết kế theo tiêu chuẩn đường bê tông nông thôn, cấp B.

- Thông số kỹ thuật: Bề rộng nền đường 5m, bề rộng mặt đường 3,5m.

Kết cấu mặt đường bằng bê tông M250 dày 16cm.

5. Nhà quản lý

- Hồ Sơn Rái: Không xây dựng nhà quản lý.

- 06 hồ còn lại: Nhà cấp 4, diện tích 42m², kết cấu móng đá xây, tường gạch, mái đổ bê tông dán tôn giả ngói.

II. Đối với hồ chứa nước Tuyên Tung (tại huyện Bình Sơn)

1. Đập tràn: Dài 60 mét

Thân đập được gia cố bằng lớp BTCT M300 bọc ngoài mặt thượng lưu, ngưỡng tràn, mặt hạ lưu tràn và làm sân phủ thượng lưu rộng 3,5 mét bằng BTCT M300 để chống thấm qua nền và thân đập.

2. Đập không tràn: Phía bờ tả dài 24,75m, bờ hữu dài 41,2m

- Hiện trạng đập bằng đá xây bị hư hỏng.

- Giải pháp: Phá bỏ đập cũ và làm mới bằng bê tông độn đá hộc, bọc ngoài bằng BTCT M300.

3. Tường bên hạ lưu đập

- Hiện trạng bằng đá xây bị hư hỏng nặng.

- Giải pháp: Phá bỏ tường cũ và làm mới bằng tường bê tông cốt thép.

4. Nhà quản lý: Sửa chữa, nâng cấp nhà quản lý hiện có, diện tích 51m²./.